

Ngày 16/07/2026



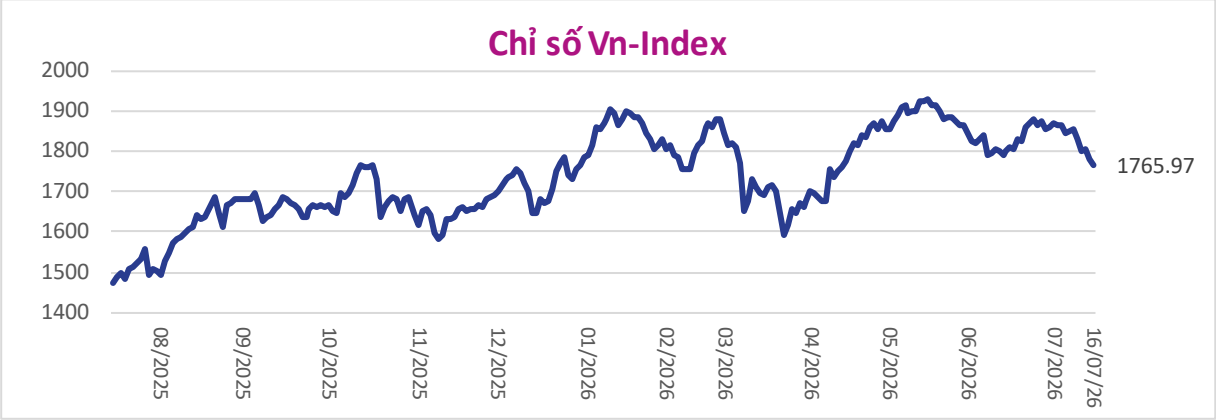
TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

GIỮA PHIÊN



Tổng quan thị trường

1765.97 -16.15 -0.91%

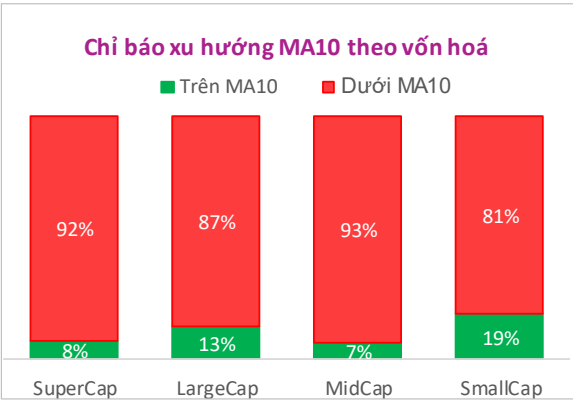


Phiên giao dịch sáng ngày 16/07/2026, chỉ số Vn-Index đang giảm điểm mạnh, tuy nhiên số lượng mã giảm đang chiếm ưu thế. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index giảm -16,15 điểm, và đang vận động dưới đường trung bình 10 ngày. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, mã cổ phiếu đang có mức tăng giá mạnh là: VHM(+1,2%), trong khi đó một số mã cổ phiếu đang có mức giảm giá mạnh là: VCB(-1,2%), BID(-1,8%), FPT(-2,5%), CTG(-1,1%), TCB(-1,1%), HPG(-1,8%), VPB(-2,1%), VNM(-1,1%).

Trong tháng 7/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -5.076 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -85.752 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch sáng nay, khối ngoại đang bán ròng -384 tỷ đồng.

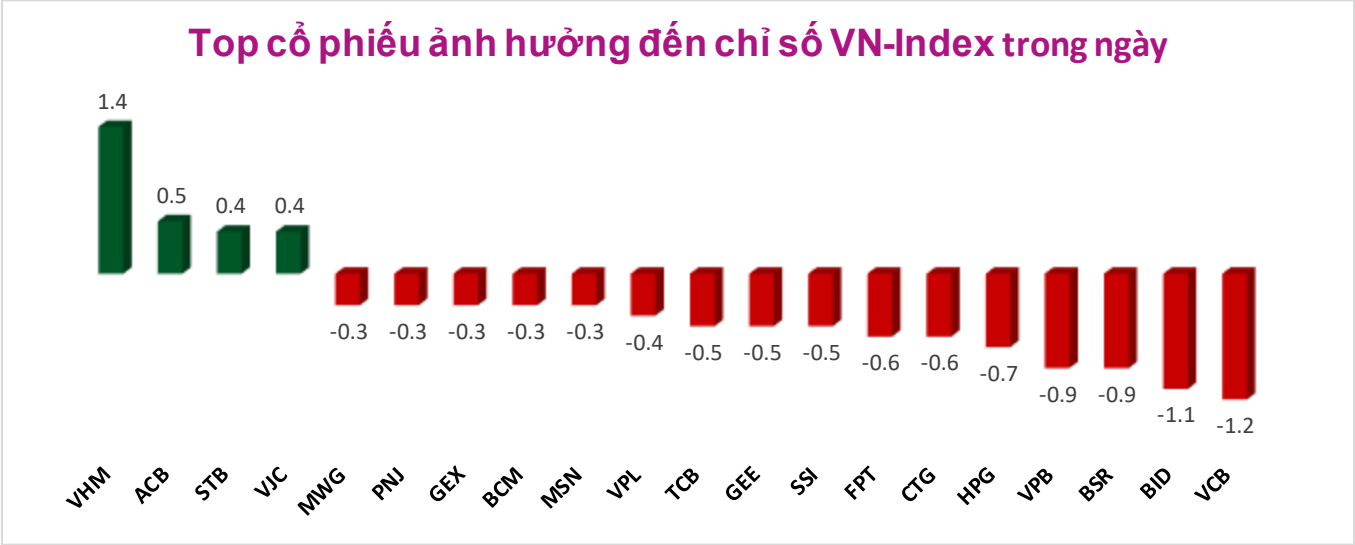
Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành		
Ngân hàng ↓	Bất động sản ↓	Chứng khoán ↓
Thép ↓	Phân bón ↓	Công nghệ ↓
Dầu khí ↓	Khu CN ↓	Thủy sản ↓
Bảo hiểm ↓	Xây dựng ↓	Cảng biển ↓
Mía đường ↓	Bán lẻ ↓	Dệt may ↓

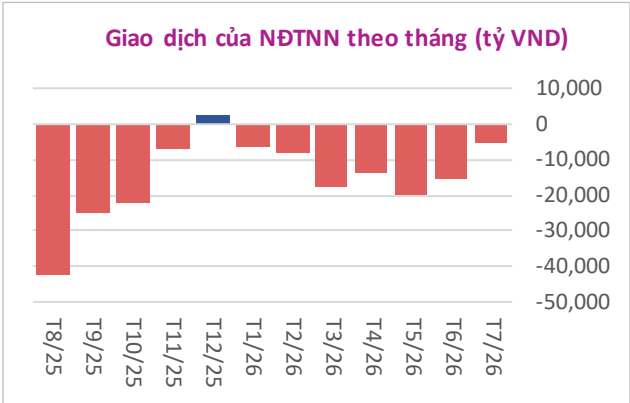
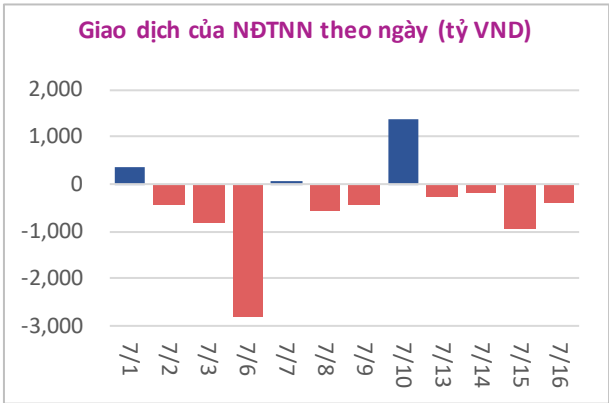


TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

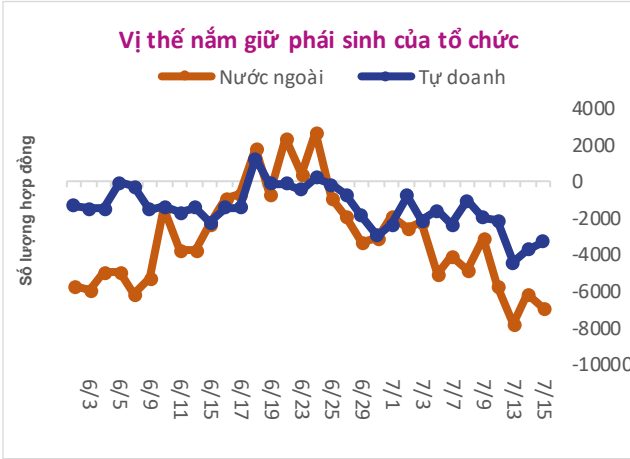
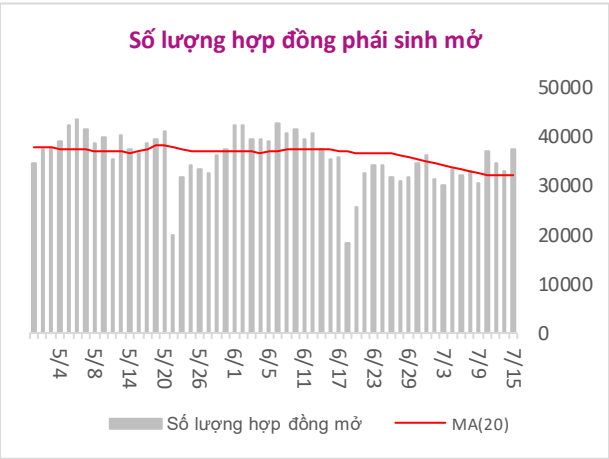
Nhóm dẫn dắt thị trường



Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài



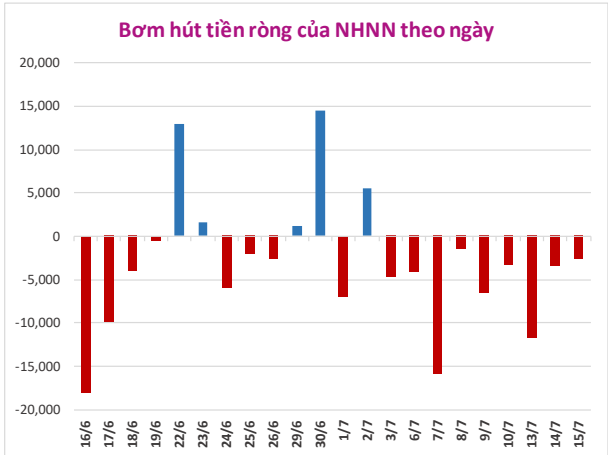
Thị trường phái sinh VN30



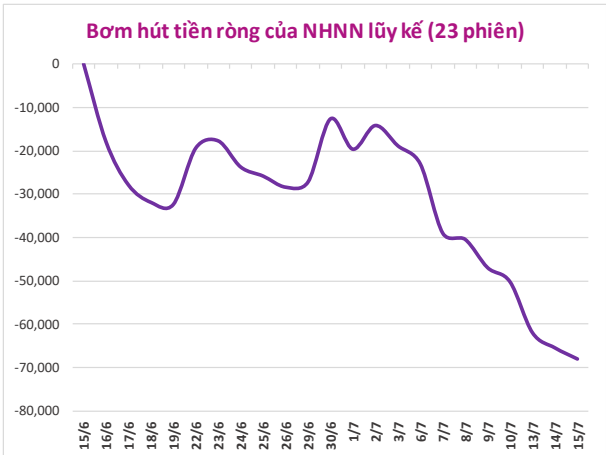
Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Bơm hút tiền ròng của NHNN theo ngày



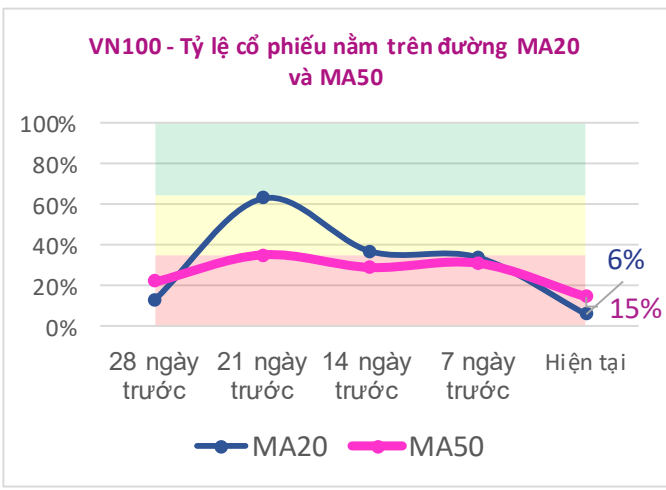
Bơm hút tiền ròng của NHNN lũy kế (23 phiên)



Các mã cổ phiếu ảnh hưởng đến VnIndex 5 ngày gần nhất

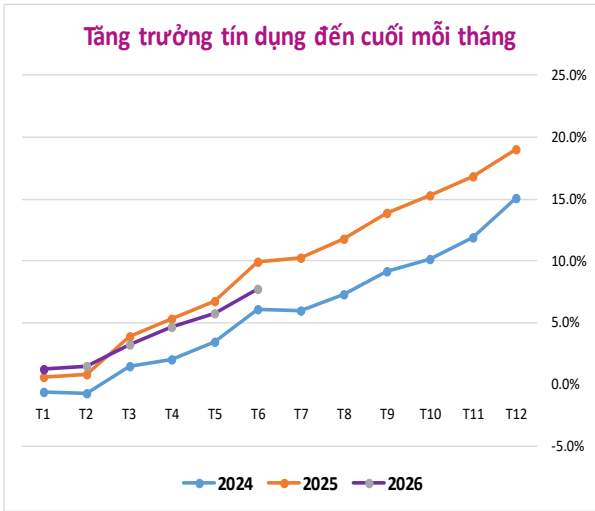
ACB (+1.1)	LPB (-0.8)	PNJ (-0.9)	SHB (-0.9)	VRE (-0.9)
GVR (-1.1)	VJC (-1.2)	BCM (-1.2)	VIX (-1.3)	MBB (-1.4)
SSI (-1.6)	HPG (-1.8)	FPT (-2.3)	TCB (-2.6)	VPB (-2.7)
CTG (-3.1)	BID (-3.4)	VCB (-4.1)	VIC (-9.5)	VHM (-9.8)

Tỷ lệ cổ phiếu nằm trên đường MA20 và MA50

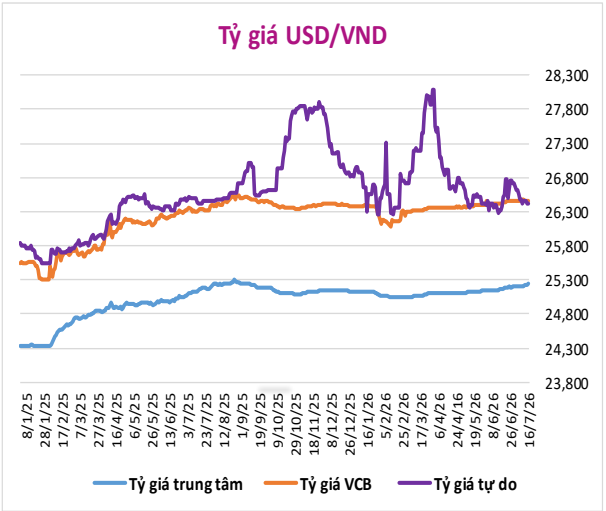


Tăng trưởng tín dụng và tỷ giá

Tăng trưởng tín dụng đến cuối mỗi tháng



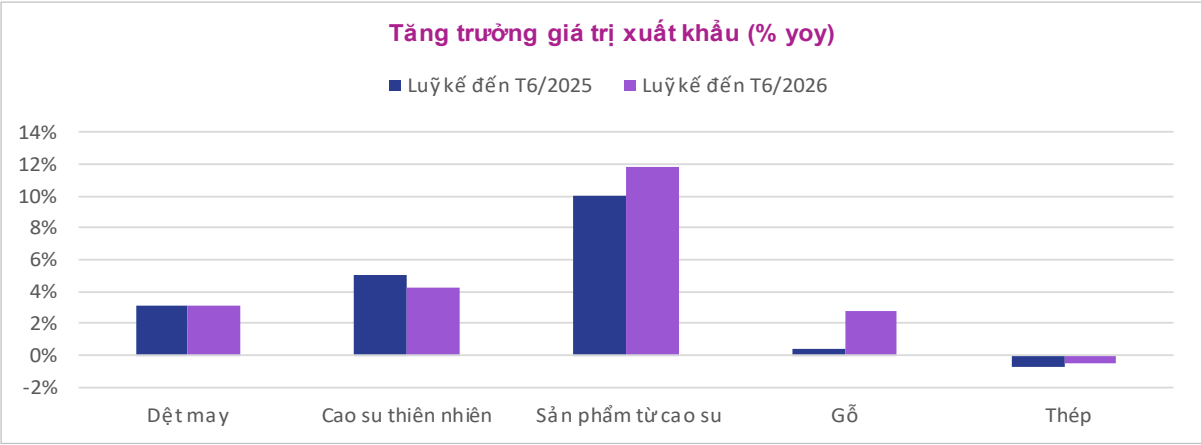
Tỷ giá USD/VND



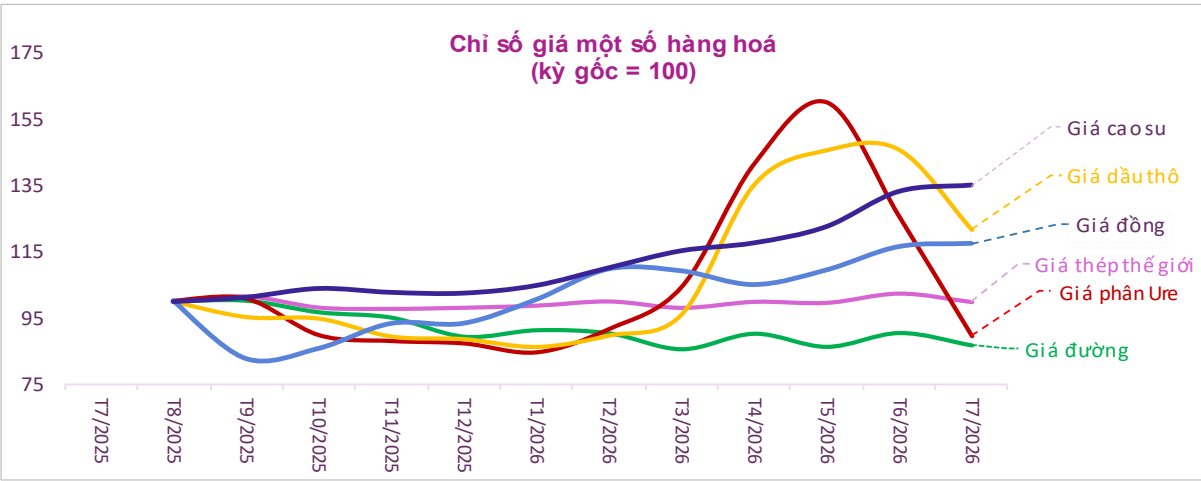
Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

Chỉ tiêu	04/2026	05/2026	06/2026	Nhận xét
Chỉ số PMI	50.5	52.8	51.8	PMI duy trì tích cực trên 50 điểm, nhưng có phần giảm nhẹ so với tháng trước
Sản xuất công nghiệp (YoY)	9.3%	10.1%	12.7%	Duy trì tăng trưởng tích cực và ổn định trong nhiều tháng liên tiếp
Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY)	12.1%	11.8%	14.8%	Duy trì tăng trưởng ổn định nhiều tháng liên tiếp; tháng 6/2026 đạt mức cao nhất kể từ 1/2023
Kim ngạch xuất khẩu (YoY)	22.8%	18.0%	28.1%	Tiếp tục duy trì tăng trưởng ở mức cao; tháng 6 đạt mức tăng cao nhất trong 5 tháng gần nhất
Kim ngạch nhập khẩu (YoY)	35.7%	33.8%	45.7%	Duy trì tăng trưởng cao; tăng trưởng mạnh trong tháng 6 và là nhập siêu tháng thứ 7 liên tiếp
Tỷ lệ lạm phát (YoY)	5.5%	5.6%	4.7%	Lạm phát vẫn ở mức cao, nhưng có phần hạ nhiệt so với 2 tháng trước đó
Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)	0.0%	0.1%	0.27%	Tỷ giá ít biến động nhiều tháng gần đây

Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



Diễn biến giá một số loại hàng hoá



Chủ tịch Fed tuyên bố NHTW bất khả xâm phạm, cảnh báo “đừng vội mừng” khi lạm phát bắt ngờ hạ nhiệt, chưa vội cắt giảm lãi suất: Phát biểu trước Ủy ban Dịch vụ Tài chính Hạ viện Mỹ ngày 14/7/2026, tân Chủ tịch Fed Kevin Warsh khẳng định tính độc lập của ngân hàng trung ương là “bất khả xâm phạm” và sẽ bảo vệ cơ quan này trước các áp lực chính trị từ Tổng thống Donald Trump. Dù lạm phát tháng 6 giảm còn 3,5%, ông Warsh cảnh báo “đừng vội mừng” và không xem đây là tín hiệu hoàn thành nhiệm vụ. Ông chưa phát tín hiệu cắt giảm lãi suất, đồng thời duy trì ưu tiên hàng đầu là đưa lạm phát về mức mục tiêu 2%. Ngoài ra, ông lưu ý rằng làn sóng đầu tư vào AI dù nâng cao năng suất dài hạn nhưng đang tạo áp lực lạm phát ngắn hạn do khát vốn, hạ tầng và nhân lực. Giới chuyên gia nhận định ông Warsh đang chủ động giữ khoảng cách nhất định với Nhà Trắng. (Nguồn: vietnambiz.vn)



TIN QUỐC TẾ

Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm nhất trong nhiều năm: Theo số liệu từ Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS) công bố ngày 15/7/2026, GDP quý II của nước này chỉ tăng trưởng 4,3%. Đây là mức tăng theo quý thấp nhất kể từ cuối năm 2022, giảm mạnh so với mức 5% của quý I và thấp hơn dự báo 4,48% của thị trường. Tính chung 6 tháng đầu năm, GDP tăng trưởng 4,7%. Dù xuất khẩu vẫn duy trì đà tăng trưởng ấn tượng (tăng 27% trong tháng 6) nhờ làn sóng AI thúc đẩy nhu cầu chip bán dẫn và thiết bị điện toán, nền kinh tế Trung Quốc vẫn đối mặt với nhiều thách thức lớn. Tình trạng nhu cầu nội địa suy yếu, thị trường bất động sản khủng hoảng và căng thẳng thương mại kéo dài với Mỹ và EU đòi hỏi Bắc Kinh phải nhanh chóng tăng cường các biện pháp hỗ trợ chính sách để đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm 4,5–5%. (Nguồn: cafee.vn)

Lần đầu tiên Hàn Quốc nâng lãi suất kể từ đầu năm 2023: Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BOK) vừa quyết định tăng lãi suất tái cấp vốn kỳ hạn 7 ngày thêm 0,25 điểm phần trăm lên 2,75%. Đây là lần nâng lãi suất đầu tiên của BOK kể từ tháng 1/2023, chấm dứt chuỗi 4 lần giảm chi phí đi vay trước đó. Quyết định thắt chặt tiền tệ này được thúc đẩy bởi sự phục hồi kinh tế mạnh mẽ, đặc biệt là đà bùng nổ xuất khẩu bán dẫn nhờ làn sóng trí tuệ nhân tạo (AI) giúp thặng dư tài khoản vãng lai vượt kỷ lục. Đồng thời, BOK cần kiểm chế tình trạng lạm phát dai dẳng (CPI tháng 6 tăng 3,2%), giảm thiểu rủi ro nợ hộ gia đình tăng tốc trở lại và hạ nhiệt thị trường bất động sản tại Seoul vốn liên tục tăng nóng suốt 75 tuần qua. (Nguồn: bbw.vn)

TIN THỊ TRƯỜNG

Thị trường Mỹ Thị trường chứng khoán Mỹ ghi nhận phiên giao dịch khởi sắc với sắc xanh lan tỏa đồng thuận trên cả ba chỉ số tài chính cốt lõi. Cụ thể, chỉ số Dow Jones tăng 150,37 điểm (tương đương 0,29%), đạt mốc 52.658,64 điểm. S&P 500 cũng nhích nhẹ 0,38% lên mức 7.572,40 điểm. Dẫn đầu đà tăng trưởng là Nasdaq với mức bứt phá 0,62%, tương đương tăng 162,22 điểm để neo tại mốc 26.269,23 điểm. Đà hưng phấn của Phố Wall được củng cố mạnh mẽ nhờ số liệu lạm phát (PPI và CPI) bất ngờ hạ nhiệt sâu hơn dự báo. Diễn biến này không chỉ giải tỏa bớt áp lực thắt chặt tiền tệ từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) mà còn kích hoạt dòng vốn đầu tư quay trở lại, tạo động lực thúc đẩy nhóm cổ phiếu công nghệ lớn dẫn dắt đà tăng điểm toàn thị trường. (Nguồn: VIX tổng hợp)

Giá dầu thế giới tiếp tục đà tăng trong phiên giao dịch ngày 16/7/2026, đánh dấu phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp khi lo ngại về gián đoạn nguồn cung tại Trung Đông leo thang. Chốt phiên rạng sáng, giá dầu thô Brent tăng 0,26% lên mức 84,95 USD/thùng. Cùng lúc đó, giá dầu WTI của Mỹ cũng nhích thêm 0,33% để neo tại mốc 79,6 USD/thùng. Đà tăng của thị trường năng lượng được kích hoạt bởi các đợt tấn công quân sự mới của Mỹ nhắm vào lực lượng Iran. Sự kiện này làm dấy lên rủi ro an ninh nghiêm trọng tại eo biển Hormuz – tuyến hàng hải huyết mạch trung chuyển 20% lượng dầu toàn cầu. Dù báo cáo tồn kho từ Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cho thấy mức giảm 1,7 triệu thùng thấp hơn dự báo, các bất ổn địa chính trị vẫn đóng vai trò là động lực chính hỗ trợ đà bứt phá của giá dầu. (Nguồn: VIX tổng hợp)

Giá vàng trong nước phiên sáng ngày 16/7/2026 ghi nhận xu hướng điều chỉnh giảm nhẹ sau ngày tăng mạnh trước đó. Tại Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC) và Tập đoàn DOJI, giá vàng miếng đồng loạt giảm 300.000 đồng/lượng ở cả hai chiều, hiện giao dịch quanh mốc 145,2 triệu đồng/lượng mua vào và 148,2 triệu đồng/lượng bán ra. Tương tự, giá vàng nhẫn SJC cũng quay đầu giảm về mức 144,2 – 147,7 triệu đồng/lượng. Ở chiều ngược lại, giá vàng thế giới giao ngay trên sàn Kitco lại nhích nhẹ lên ngưỡng 4.039,2 USD/ounce. Quy đổi theo tỷ giá USD tại Vietcombank, giá vàng thế giới tương đương khoảng 128,7 triệu đồng/lượng, duy trì mức thấp hơn giá bán vàng SJC trong nước khoảng 19,5 triệu đồng/lượng. (Nguồn: VIX tổng hợp)

CHỈ SỐ	ĐIỂM	+/-	+/- (%)
Dow Jones	52658.64	150.37	0.29
S&P 500	7572.40	28.81	0.38
Nasdaq	26269.23	162.22	0.62
FTSE100	10515.92	-13.47	-0.13
Euro Stoxx 50	6270.75	-9.44	-0.15
DAX	24999.53	-147.50	-0.59
Nikkei 225	67347.50	-396.00	-0.58
Shanghai	3955.58	-11.55	-0.29
KOSPI	7284.41	427.58	6.24

TIN TRONG NƯỚC

Cập nhật KQKD quý II ngày 16/7: Thêm các khoản lãi nghìn tỷ được công bố: Nhiều doanh nghiệp đã chính thức công bố hoặc ước tính kết quả kinh doanh quý II và nửa đầu năm 2026, phác họa một bức tranh tài chính có sự phân hóa sâu sắc giữa các nhóm ngành. Trong khi một số đơn vị xuất sắc duy trì đà tăng trưởng lợi nhuận tích cực và ghi nhận những khoản lãi nghìn tỷ đồng, nhiều doanh nghiệp khác lại phải đối mặt với tình trạng lợi nhuận sụt giảm mạnh, thậm chí phát sinh thua lỗ đáng tiếc do áp lực từ chi phí leo thang, biến động thị trường và hoạt động sản xuất kinh doanh không gặp thuận lợi. Việc phân hóa này cho thấy mức độ thích ứng và sức chống chịu khác nhau của các thương hiệu trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay. (Nguồn: vietnambiz.vn)

Lãi suất ngân hàng 15/7 tại Agribank, Vietcombank, BIDV, VietinBank, MB, Sacombank, HDBank: Khảo sát thị trường ngày 15/7/2026 ghi nhận cuộc đua lãi suất diễn ra sôi động. Ở kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng, do áp lực huy động, có tới 15 ngân hàng thương mại đã đẩy lãi suất kỳ hạn 1 tháng lên kịch trần cho phép là 4,75%/năm. Đối với các kỳ hạn dài hơn, tại nhóm Big4 (Agribank, Vietcombank, BIDV, VietinBank), biểu lãi suất trực tuyến kỳ hạn 12 tháng đang giữ mức đồng thuận là 6,8%/năm, trong khi kỳ hạn 6 tháng ghi nhận ở mức 6,6%/năm. Tại nhóm ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân, lãi suất có sự phân hóa mạnh mẽ. Điển hình như MB áp dụng mức lãi suất trực tuyến đạt 7,0%/năm cho cả kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng. Sacombank duy trì lãi suất ổn định với kỳ hạn 12 tháng ở mức 5,9%/năm. HDBank áp dụng mức 6,2% cho kỳ hạn 12 tháng đối với khách hàng Priority. Nhìn chung, mặt bằng lãi suất kỳ hạn 12 tháng của phần lớn hệ thống hiện dao động phổ biến trong khoảng 6,6% đến 6,9%/năm. (Nguồn: stockbiz.vn)

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Danh mục theo dõi trung hạn

STT	Mã	Ngành	Chỉ số cơ bản						Chỉ số định giá				Giá thị trường (16/7/26)
			% LNST	% LNST	Biên lợi	Biên lợi	ROE Chỉ số	ROA Chỉ số	Book Value	EPS	P/B	P/E	
			Q3/25 (YoY)	Q4/25 (YoY)	nhuận ròng Q3/25	nhuận ròng Q4/25	(TTM) Năm: 2025 (TTM)	(TTM) Năm: 2025 (TTM)					
1	ACB	Ngân hàng	10.6%	-38.7%	51.1%	33.9%	17.6%	1.7%	18,401	3,042	1.28	7.7	23,500
2	ANV	Thủy sản	915.5%	4610.8%	14.2%	11.9%	31.6%	18.7%	13,226	3,748	1.37	4.8	18,100
3	BFC	Phân bón	14.0%	-29.9%	3.6%	2.8%	19.3%	8.6%	29,657	7,003	1.83	7.7	54,200
4	BID	Ngân hàng	16.7%	45.3%	28.8%	38.2%	18.8%	1.0%	24,726	4,342	1.57	8.9	38,800
5	BMP	VLXD	21.0%	13.2%	22.9%	20.3%	44.0%	37.4%	35,151	15,010	4.30	10.1	151,000
6	BSR	Dầu khí	175.1%	3739.7%	2.6%	8.1%	8.9%	6.0%	12,079	1,036	2.11	24.6	25,450
7	CTD	Xây dựng	217.2%	117.8%	4.0%	2.3%	8.6%	2.5%	90,563	7,540	0.71	8.6	64,600
8	CTG	Ngân hàng	63.9%	12.3%	37.8%	47.4%	21.1%	1.3%	23,129	4,488	1.37	7.1	31,800
9	CTR	Xây dựng	15.5%	8.8%	4.3%	4.1%	30.5%	7.8%	18,086	5,242	3.76	13.0	68,000
10	DCM	Phân bón	171.9%	16.6%	11.0%	10.3%	18.7%	11.7%	20,390	3,706	1.57	8.6	32,000
11	DGC	Hóa chất	9.0%	-16.3%	28.6%	24.0%	20.8%	17.1%	40,566	8,397	1.09	5.3	44,200
12	DGW	Bán lẻ	39.2%	10.3%	2.3%	2.0%	16.9%	5.5%	15,690	2,508	2.33	14.6	36,600
13	DHA	Khai thác đá	111.3%	146.3%	32.8%	18.4%	24.0%	21.7%	32,319	7,258	1.44	6.4	46,700
14	FOX	Viễn thông	26.2%	22.8%	18.4%	17.3%	31.2%	13.7%	15,202	4,719	4.31	13.9	65,500
15	FPT	Phần mềm	17.1%	19.5%	16.9%	14.8%	23.6%	11.7%	25,683	6,590	2.53	9.9	65,100
16	GAS	Dầu khí	1.3%	-32.4%	7.3%	3.2%	17.7%	13.0%	28,038	4,796	2.75	16.1	77,200
17	GEG	Điện	267.5%	676.3%	11.9%	16.3%	11.5%	4.6%	15,665	2,282	0.83	5.7	13,050
18	GMD	Dịch vụ	-3.6%	76.4%	27.7%	40.9%	11.7%	8.9%	34,842	5,162	2.19	14.78	76,300
19	HAG	Nông nghiệp	23.1%	345.5%	22.8%	50.7%	18.1%	8.6%	11,191	1,762	1.30	8.23	14,500
20	HDG	Bất động sản	85.0%	482.5%	47.2%	42.2%	9.0%	4.9%	22,644	2,570	0.80	7.02	18,050
21	HHV	Xây dựng	23.3%	58.1%	16.7%	16.7%	5.1%	1.5%	24,481	1,364	0.42	7.55	10,300
22	HPG	Thép	32.8%	38.4%	11.0%	8.4%	12.6%	6.4%	17,096	2,021	1.29	10.88	22,000
23	HT1	Xi măng	278.5%	413.6%	4.6%	4.3%	5.5%	3.5%	13,336	718	0.94	17.48	12,550
24	KBC	Bất động sản	54.8%	2477.5%	23.2%	40.3%	9.1%	3.8%	28,399	2,365	0.99	11.86	28,050
25	KDH	Bất động sản	692.5%	101.7%	47.9%	43.7%	5.2%	3.2%	18,865	1,456	0.99	12.85	18,700
26	LCG	Xây dựng	9.6%	130.2%	7.1%	4.7%	5.7%	2.2%	13,112	723	0.61	11.13	8,050
27	MCH	Thực phẩm	-18.9%	-11.1%	22.6%	22.7%	44.5%	21.6%	17,480	6,336	7.77	21.43	135,800
28	MML	Thực Phẩm	419.5%	79.6%	4.3%	6.3%	11.6%	5.0%	15,282	1,819	1.85	15.56	28,300
29	MSH	Hàng May mặc	54.2%	17.4%	12.2%	14.6%	28.7%	13.3%	19,626	5,962	1.61	5.31	31,650
30	MSN	Thực phẩm	43.4%	48.4%	8.8%	9.9%	9.6%	3.0%	29,647	4,448	2.26	15.08	67,100
31	MSR	Khai khoáng	101.5%	207.9%	0.3%	9.3%	0.1%	0.0%	11,076	10	3.18	3428.15	35,200
32	MWG	Bán lẻ	121.4%	144.9%	4.5%	4.9%	23.0%	9.1%	22,575	4,814	3.33	15.60	75,100
33	NAF	Nước trái cây	55.8%	26.3%	7.0%	7.6%	16.5%	6.7%	11,491	2,140	4.23	22.71	48,600
34	NLG	Bất động sản	679.5%	-62.1%	12.5%	29.6%	4.8%	2.5%	30,559	1,951	0.80	12.48	24,350
35	NT2	Điện	383.5%	641.4%	11.1%	21.9%	25.0%	12.6%	16,880	3,926	1.26	5.42	21,300
36	NTP	VLXD	49.9%	-6.3%	16.0%	10.8%	25.1%	14.8%	24,742	5,805	1.95	8.30	48,200
37	PLX	Dầu khí	441.0%	14.2%	0.8%	0.9%	9.2%	3.2%	22,781	2,305	1.57	15.51	35,750
38	POW	Điện	109.2%	585.3%	12.1%	7.9%	6.5%	2.8%	13,307	1,019	1.02	13.34	13,600
39	PVS	Dầu khí	73.3%	73.5%	3.5%	9.9%	11.8%	5.0%	31,694	3,722	1.17	9.94	37,000
40	QNS	Đường	-28.4%	-2.8%	14.2%	22.4%	18.6%	13.6%	28,956	5,231	1.68	9.31	48,700
41	SBT	Đường	-13.0%	-19.2%	3.7%	2.8%	6.7%	2.2%	13,938	866	1.51	24.31	21,050
42	SHB	Ngân hàng	49.8%	8.3%	40.7%	39.0%	19.1%	1.5%	14,800	2,605	0.84	4.80	12,500
43	SIP	Bất động sản	21.7%	6.3%	17.1%	17.4%	25.3%	5.0%	24,181	6,303	2.01	7.70	48,550
44	STB	Ngân hàng	31.8%	-176.5%	33.0%	-35.8%	10.3%	0.7%	31,756	3,150	2.23	22.44	70,700
45	TCB	Ngân hàng	14.2%	104.1%	46.4%	47.2%	15.4%	2.3%	25,331	3,663	1.23	8.50	31,150
46	TCM	Hàng May mặc	-21.4%	-24.2%	7.1%	5.4%	11.4%	6.7%	21,823	2,419	0.89	8.02	19,400
47	TRC	Cao su	60.4%	-68.8%	49.0%	15.2%	13.1%	11.5%	69,312	8,669	1.12	8.94	77,500
48	VCB	Ngân hàng	5.3%	0.7%	50.0%	45.0%	16.6%	1.6%	27,231	4,213	2.15	13.89	58,500
49	VGI	Hàng May mặc	56.0%	57.7%	7.1%	8.4%	9.1%	4.4%	20,090	2,666	0.56	4.20	11,200
50	VHC	Thủy sản	33.5%	-43.4%	13.1%	9.0%	14.4%	10.6%	44,495	6,465	1.27	8.71	56,300
51	VJC	Hàng không	-43.9%	43618.4%	1.9%	1.7%	10.1%	1.8%	42,005	3,589	3.14	36.75	131,900
52	VNM	Sản phẩm từ sữa	4.5%	31.7%	14.8%	16.6%	26.6%	17.4%	16,499	4,504	3.37	12.34	55,600
53	VPB	Ngân hàng	76.8%	61.1%	36.6%	36.2%	14.6%	2.2%	22,722	3,070	1.11	8.23	25,250
54	VTP	Vận tải	-20.2%	17.3%	1.7%	2.6%	24.1%	5.8%	14,519	3,348	3.40	14.73	49,300

Tín hiệu kỹ thuật

Mã	Thời gian	Mẫu nến	Giá cổ phiếu
VGS	16/7/2026 11:30:00 AM	Break Down	19.5
NLG	16/7/2026 11:30:00 AM	Break Down	24.35
HSG	16/7/2026 11:30:00 AM	Evening Star	11.35

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (“VIX”). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.